

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 14-01-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Hồng;

Ông Huỳnh Thanh Hưng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty T4 (JIVF); địa chỉ: Lầu A, Tòa nhà C, số G, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Xuân M, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ liên lạc: số A, đường C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; chức vụ: Nhân viên JIVF, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 12 năm 2023), có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Lê Thanh C, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1992; cùng hộ khẩu thường trú: số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; cùng tạm trú: Nhà trọ Đỗ Chánh T, căn 49, lô D, đường D, tổ I, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2023 của nguyên đơn Công ty T4 (JIVF) (viết tắt là Công ty T4), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phạm Xuân M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 820130001980625000 ngày 11 tháng 11 năm 2021 được ký giữa vợ chồng ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Thị Phương L với Công ty T4 để ông C và bà L vay tiền mua xe ô tô tải theo hình thức thế chấp trả góp hàng tháng bao gồm gốc và lãi; số tiền vay là 322.500.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 12,7068%/năm, 1,0589%/tháng; số tiền thanh toán mỗi tháng là 7.301.552 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng, ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 13 tháng 12 năm 2021.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông C và bà L đã ký với Công ty T4 Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 820130001980625000-HĐTC ngày 11 tháng 11 năm 2021. Theo đó, tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay được dùng để thế chấp là: xe ô tô TERACO_TERA 180 THÙNG KÍN; số khung: RM0KF18ALMC00020; số máy: 4A168C43Q210643642D; biển kiểm soát: 61H-047.19; xe ô tô tải này có giá là 345.454.545 đồng, kèm chứng từ sở hữu là Hợp đồng mua bán (V/v: mua bán ô tô) số 21 0916/HĐMB-TL-2021 ngày 14 tháng 9 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61019896.

Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 25 tháng 7 năm 2023, ông C và bà Liên thanh T1 cho Công ty T4 tổng số tiền 134.490.741 đồng (trong đó nợ gốc: 79.797.994 đồng, lãi trong hạn 54.413.942 đồng, lãi quá hạn 62.805 đồng và phí 216.000 đồng). Từ ngày 14 tháng 8 năm 2023 đến ngày 17 tháng 4 năm 2024, ông C và bà Liên thanh T1 cho Công ty T4 số tiền 10.100.000 đồng (trong đó nợ gốc: 6.329.401 đồng, lãi trong hạn 3.718.533 đồng, lãi quá hạn 40.066 đồng và phí 12.000 đồng). Ngày 12 tháng 8 năm 2024, ông C và bà Liên tiếp T2 thanh toán cho Công ty T4 số tiền nợ gốc 7.500.000 đồng. Tổng số tiền ông C và bà Liên thanh T1 cho Công ty T4 là 152.090.741 đồng (trong đó nợ gốc: 93.627.395 đồng, lãi trong hạn 58.132.475 đồng, lãi quá hạn 102.871 đồng và phí 228.000 đồng). Từ sau ngày 12 tháng 8 năm 2024 đến nay, ông C và bà L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T4, vi phạm Điều 3 và Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 820130001980625000, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty T4.

Tại Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2023, Công ty T4 yêu cầu:

- Buộc ông C và bà L phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty T4 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 13 tháng 9 năm 2023 là 247.530.452 đồng.

- Trường hợp ông C và bà L không thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên người khởi kiện có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản là chiếc xe ô tô tải Teraco-Tera 180 Thùng kín, số khung: RM0KF18ALMC000020, số máy: 4A168C43Q210643642D, biển kiểm soát: 61H-047.19 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 820130001980625000-HĐTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 để trả nợ.

- Bên vay tiếp tục thanh toán cho Công ty T4 tiền lãi phát sinh, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 13 tháng 9 năm 2023 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 820130001980625000 ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2024, Công ty T4 rút yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 820130001980625000-HĐTC ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Đối với số tiền 10.100.000 đồng ông C và bà L đã thanh toán cho Công ty T4 từ ngày 14 tháng 8 năm 2023 đến ngày 17 tháng 4 năm 2024 và số tiền 7.500.000 đồng ông C và bà L đã thanh toán cho Công ty T4 ngày 12 tháng 8 năm 2024, tổng cộng là 17.600.000 đồng; tại phiên tòa, Công ty T4 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.600.000 đồng này.

Nay, Công ty T4 yêu cầu như sau:

- Buộc ông C và bà L phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty T4 tổng số tiền tính đến hết ngày 24 tháng 12 năm 2024 là 266.610.433 đồng, trong đó: nợ gốc: 228.872.605 đồng; lãi trong hạn: 33.335.076 đồng; lãi quá hạn: 4.246.752 đồng và phí: 156.000 đồng.

- Ông C và bà Liên tiếp T2 thanh toán cho Công ty T4 tiền lãi phát sinh, lãi quá hạn, các loại phí từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 820130001980625000 ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Tại Bản tường trình ngày 17 tháng 5 năm 2024, Bản tự khai ngày 28 tháng 10 năm 2024, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04 tháng 12 năm 2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông C và bà L cùng trình bày:

Ông C và bà L là vợ chồng, kết hôn khoảng 12 năm, có đăng ký kết hôn tại quê tỉnh Quảng Bình.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, ông C ký Hợp đồng mua bán (V/v: mua bán ô tô) với Công ty Cổ phần T5 có địa chỉ tại 37/6, Quốc lộ A, Khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương để mua xe ô tô sau: Loại xe Tera 180 Thùng kín, nhãn hiệu TERACO, màu trắng, tải trọng 1750kg với giá 380.000.000 đồng.

Mục đích ông C mua xe để kinh doanh mua bán (vận chuyển hải sản về bán lại). Ông C đã trả trước cho Công ty T6 khoảng 60.000.000 đồng (gồm 57.500.000 đồng tiền xe và 2.500.000 đồng chi phí khác). Số tiền còn lại 380.000.000 đồng - 57.500.000 đồng = 322.500.000 đồng, ông C và bà L vay của Công ty T4. Ông C và bà L đã ký Hợp đồng tín dụng ngày 11 tháng 11 năm 2021 với Công ty T4 để vay số tiền 322.500.000 đồng, lãi suất vay 12,7068%/năm, thời hạn vay 60 tháng; số tiền thanh toán mỗi kỳ (theo tháng) gồm gốc + lãi + phí là 7.301.552 đồng, trả nợ đầu tiên vào ngày 13 tháng 12 năm 2021; số tiền thanh toán cuối kỳ là 6.734.262 đồng, trả vào ngày 12 tháng 11 năm 2026.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ông C và bà L không nhận tiền vay mà Công ty T4 sẽ trực tiếp trả số tiền 322.500.000 đồng cho Công ty T6. Để đảm bảo khoản vay, ông C và bà L thế chấp xe ô tô trên (biển số 61H-047.19) cho Công ty T4

theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 820130001980625000-HĐTC ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Khoảng 02 tuần sau khi ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, ông C nhận được xe. Về giấy tờ xe, Công ty T4 giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61019896, Công ty T4 chỉ giao cho ông C và bà L bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy đi đường (giấy biên nhận thế chấp) lần đầu có thời hạn 01 năm, lần thứ hai có thời hạn 06 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà L trả nợ cho Công ty T4 đều đặn đúng như thỏa thuận, đến tháng 7 năm 2023 thì có sự chậm trễ. Lý do: ngày 28 tháng 10 năm 2022, do làm ăn khó khăn, ông C và bà L bán xe ô tô biển số 61H-047.19 cho bà Phan Thanh T3, sinh năm 2001, địa chỉ ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (ông C và bà L không báo cho Công ty T4 biết sự việc này). Hai bên lập Hợp đồng mua bán xe ngày 28 tháng 10 năm 2022, giá bán là 60.000.000 đồng và trả góp mỗi tháng vào ngày 10 tây hàng tháng, đến ngày 10 tháng 11 năm 2026 đúng 48 tháng kết thúc hợp đồng thì ông C bàn giao giấy tờ gốc của xe ô tô cho bà T3. Sau khi ký hợp đồng, ông C và bà L giao xe ô tô cho bà T3, bà T3 thực hiện trả nợ hàng tháng cho Công ty T4 đều đặn đến tháng 7 năm 2023 thì chậm trễ.

Tháng 9 năm 2023, Công ty T4 kiện ông C và bà L tại Tòa án nhân dân thành phố Thuận An. Do ông C và bà L đã chuyển về tạm trú tại Nhà trọ Đ, căn 49, lô D, đường D, tổ I, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Thuận An chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng giải quyết.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, ông C và bà L mua lại xe ô tô biển số 61H-047.19 từ vợ chồng bà T3 và ông Nguyễn Văn L1 với giá 70.000.000 đồng, hai bên lập giấy tay đề ngày 07 tháng 8 năm 2024 (bản gốc bà T3 giữ). Lý do ông C và bà L mua lại xe ô tô vì bà T3 không trả nợ cho Công ty T4 đúng hạn. Hiện nay, ông C, bà L và vợ chồng bà T3 không còn liên quan gì.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, ông C và bà L đã trả tiếp cho Công ty T4 7.500.000 đồng và yêu cầu Công ty T4 cấp giấy đi đường cho ông C và bà L để chạy xe kinh doanh, làm ăn. Tuy nhiên Công ty T4 vẫn không cấp giấy đi đường cho ông C và bà L nên ông C và bà L không có tiền trả nợ tiếp cho Công ty T4.

Nay ông C và bà L đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T4, đồng ý trả nợ cho Công ty T4 nhưng Công ty T4 phải cấp giấy đi đường cho ông C và bà L. Giấy đi đường mà Công ty T4 cấp cho ông C và bà L đã hết hạn gần 02 năm nay, hiện Công ty T4 không cấp giấy đi đường nên ông C và bà L không chạy xe để kiếm thu nhập được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2024, Công ty T4 rút yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 820130001980625000-HĐTC ngày 11 tháng 11 năm 2021; tại phiên tòa, Công ty T4 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.600.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: các bên phát sinh tranh chấp từ hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

[3] Về thẩm quyền: tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các đương sự là một loại tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T4:

[4.1] Theo khoản 4 Điều 4 của Luật Tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “*Tổ chức tín dụng phi ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định, trừ các hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.*”. Như vậy, Công ty T4 là tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Việc vay tiền giữa Công ty T4 với ông C và bà L theo Hợp đồng tín dụng số 820130001980625000 ngày 11 tháng 11 năm 2021 do Công ty T4 cung cấp cho Tòa án được ông C và bà L thừa nhận. Hội đồng xét xử xác định việc vay tiền giữa các bên là có thật, là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng tín dụng số 820130001980625000 được ký kết có nội dung thỏa thuận phù hợp với Điều 385 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự, điểm d khoản 1 Điều 108 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T4 theo Điều 3 và Điều 8 của Hợp đồng tín dụng, vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Từ ngày 14 tháng 8 năm 2023 đến ngày 12 tháng 8 năm 2024, ông C và bà L đã trả tiếp cho Công ty T4 tổng số tiền 17.600.000 đồng. Tổng số tiền ông C và bà L liên thanh T1 cho Công ty T4 là 152.090.741 đồng (trong đó nợ gốc:

93.627.395 đồng, lãi trong hạn 58.132.475 đồng, lãi quá hạn 102.871 đồng và phí 228.000 đồng).

Tại phiên tòa, Công ty T4 yêu cầu buộc ông C và bà L phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty T4 tổng số tiền tính đến hết ngày 24 tháng 12 năm 2024 là 266.610.433 đồng, trong đó: nợ gốc: 228.872.605 đồng; lãi trong hạn: 33.335.076 đồng; lãi quá hạn: 4.246.752 đồng và phí: 156.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của này của Công ty T4 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông C và bà L cùng phải trả cho Công ty T4 tổng số tiền là 266.610.433 đồng.

[4.2] Việc Công ty T4 yêu cầu ông C và bà L phải trả cho Công ty T4 tiền lãi phát sinh, lãi quá hạn, các loại phí từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 820130001980625000 ngày 11 tháng 11 năm 2021:

Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA17 tháng 10 năm 2016 về việc công bố án lệ của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: *“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*.

Xét thấy, tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 08/2016/AL để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án đối với ông C và bà L theo yêu cầu của Công ty T4, buộc ông C và bà L cùng phải trả cho Công ty T4 tiền lãi phát sinh, lãi quá hạn và các loại phí theo hợp đồng tín dụng tính từ 25 tháng 12 năm 2024 cho đến khi hết nợ.

[4.3] Trước khi mở phiên tòa, tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2024, Công ty T4 rút yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 820130001980625000-HĐTC ngày 11 tháng 11 năm 2021. Tại phiên tòa, Công ty T4 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.600.000 đồng. Xét việc rút các yêu cầu khởi kiện này của Công ty T4 là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này của Công ty T4.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T4.

[7] Về án phí:

Công ty T4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C và bà L cùng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 4 và điểm d khoản 1 Điều 108 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA17 tháng 10 năm 2016 về việc công bố án lệ của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T4 (JIVF) đối với ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Thị Phương L về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Thị Phương L cùng phải trả cho Công ty T4 (JIVF) tổng số tiền tính đến ngày 24 tháng 11 năm 2024 là 266.610.433 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm mười nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc: 228.872.605 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ năm đồng); lãi trong hạn: 33.335.076 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng); lãi quá hạn: 4.246.752 đồng (bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng); phí: 156.000 đồng (một trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2024, ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Thị Phương L còn cùng phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh, lãi quá hạn và các loại phí mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T4 (JIVF) thì lãi suất mà ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Thị Phương L cùng phải tiếp tục thanh toán cho Công

ty T4 (JIVF) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T4 (JIVF).

2. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu sau của Công ty T4 (JIVF) đối với ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Thị Phương L: yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 820130001980625000-HĐTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 và đối với số tiền 17.600.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Về án phí

Công ty T4 (JIVF) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.188.261 đồng (sáu triệu một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi một đồng) theo biên lai thu tiền số 0001140 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Thị Phương L cùng phải chịu 13.330.521 đồng (mười ba triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên